TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST
Ngày 01 tháng 10 năm 2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 9 và 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST-KDTM, ngày 23 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 156/2019/QĐST-KDTM, ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng P.

Địa chỉ trụ sở chính: đường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T - Tổng giám đốc (theo Quyết định số 696/QĐ-TTg, ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang (Văn bản ủy quyền 1145/GUQ.NHPT-PC, ngày 27/6/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng P).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T - Trưởng phòng Tín dụng Đầu tư chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ.NHPT – ĐT - AG, ngày 03/7/2019 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang).

Địa chỉ chi nhánh: đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Tiến V - Văn phòng Luật sư Tiến V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T.

Địa chỉ: đường D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành D - Giám đốc. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Ông Nguyễn Thành D. Vắng mặt.

3. 2. Bà Nguyễn Thị Thanh T. Vắng mặt.

Cùng cư trú: đường D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng P chi nhánh Ngân hàng P An Giang nay là Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp-An Giang (sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T (sau đây gọi là Công ty T) có ký các Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 06/2009/HĐTDĐT-NHPT, ngày 29/6/2009; Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 11/2014/HĐTDĐT.SĐBS-NHPT, ngày 31/12/2014; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07/2015/HĐTDĐT.SĐBS-NHPT, ngày 31/12/2015 với mức vốn vay 13.500.000.000đ; Thời hạn vay 144 tháng; Thời hạn trả nợ gốc 132 tháng; Lãi suất nợ trong hạn 6,9%/năm; Lãi suất nợ quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả): 10,35%/năm. Tổng số vốn đã giải ngân 13.500.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư dự án theo Quyết định phê duyệt số 50/QĐ-TN ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên TM&XD T. Tên dự án: Đầu tư nhà máy Gạch Tuynel T.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Công ty T thế chấp cho Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 06/2009/HĐTCTS-NHPT, ngày 29/7/2009; Phục lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2013/PLHĐTCTS-NHPT.ĐT.AG, ngày 15/10/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2014/HĐTCTS-NHPT, ngày 26/12/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 02/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT, ngày 26/12/2014 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 30/12/2014 và Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin Tài nguyên Môi trường chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 13/01/2015.

Do Công ty T không thanh toán vốn, lãi theo Hợp đồng nên Ngân hàng nhiều lần yêu cầu Công ty T thanh toán nợ được thể hiện tại các Biên bản làm việc giữa Ngân hàng và Công ty T vào các ngày 26/8/2016; 06/12/2016; 06/3/2017; Biên bản kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đối với Công ty T ngày 22/11/2016; Thông báo của Ngân hàng đến Công ty T về trả nợ tín dụng đầu tư của Nhà nước ngày 19/5/2017.

Sau khi nhận được văn bản của Ngân hàng, Công ty T có ý kiến tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2017 thể hiện: Thống nhất theo ý kiến của Ngân hàng về khoản nợ gốc, nợ lãi đã thu và dư nợ.

Tính đến ngày 20/3/2017 Công ty T đã trả được 9.713.465.300đ, gồm . Trong đó: Trả nợ gốc: 5.275.310.936 đồng; Trả nợ lãi 4.438.154.364 đồng.

Tạm tính đến thời điểm xét xử, Công ty T còn nợ 11.502.041.548 đồng. Trong đó: Nợ gốc 8.224.689.064 đồng và nợ lãi 3.277.352.484 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Tín dụng do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng vốn và lãi tạm tính đến thời điểm xét xử là 11.502.041.548 đồng, gồm nợ gốc 8.224.689.064 đồng, nợ lãi 3.277.352.484 đồng và yêu cầu Công ty T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau thời điểm xét xử đến khi thanh toán hết nợ gốc theo Hợp đồng Tín dụng đã ký.

Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Công ty T là bị đơn, ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được niêm yết các vản bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa, Công ty T, ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty T, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS. Thủ tục tống đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177 và 179 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 86 BLTTDS, nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTTDS và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định.

* Ý kiến về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu Công ty trả vốn vay:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng, Biên bản làm việc của ông D là đại diện của Công ty với Ngân hàng đã đủ cơ sở để xác định Công ty đã vay của Ngân hàng 13.500.000.000 đồng để đầu tư sản xuất Nhà máy gạch Tuynel. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty đã trả được số tiền vốn gốc là 5.275.310.936, sau đó thì vi phạm nghĩa vụ trả vốn vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ trả 8.824.689.064 đồng vốn gốc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Đối với yêu cầu Công ty trả lãi vay:

Tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng ngày 29/7/2009 có thỏa thuận lãi suất 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 10.35%/năm (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả), thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 9 năm 2010. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu áp dụng lãi suất và duy trì việc áp dụng lãi suất theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp và tài sản bảo đảm:

Công ty đã ký các Hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi của Hợp đồng tín dụng là 02 Quyền sử dụng đất BR 538414 và BR 538415, thửa số 2897 tờ bản đồ số 01, diện tích 19.741m^2 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05/8/2018, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh An Giang và các tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy gạch Tuynel. Việc thế chấp có xác lập hợp đồng, công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm vào vào các ngày 30/12/2014 và 15/01/2015 nên có căn cứ để xem xét, chấp nhận việc duy trì Hợp đồng thế chấp và tài sản bảo đảm theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty. Buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi như phân tích nêu trên.

- Chấp nhận yêu cầu duy trì các Hợp đồng thế chấp tài sản như phân tích nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng P yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng Tín dụng. Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T có địa chỉ tại đường D, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ

lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng Công ty T, ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty T, ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T.

[2] Về nội dung: Ngân hàng và Công ty T có ký các Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 06/2009/HĐTDĐT-NHPT, ngày 29/6/2009; Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 11/2014/HĐTDĐT.SĐBS-NHPT, ngày 31/12/2014; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07/2015/HĐTDĐT.SĐBS-NHPT, ngày 31/12/2015 với mức vốn vay 13.500.000.000đ; Thời hạn vay 144 tháng; Thời hạn trả nợ gốc 132 tháng; Lãi suất nợ trong hạn 6,9%/năm; Lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc và lãi chậm trả: 10,35%/năm. Tổng vốn đã giải ngân 13.500.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư dự án theo Quyết định phê duyệt số 50/QĐ-TN ngày 24/7/2009 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc Công ty T.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Công ty T có thế chấp tài sản cho Ngân hàng gồm Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 06/2009/HĐTCTS-NHPT, ngày 29/7/2009; Phục lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2013/PLHĐTCTS-NHPT.ĐT.AG, ngày 15/10/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2014/HĐTCTS-NHPT, ngày 26/12/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 02/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT, ngày 26/12/2014 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 30/12/2014 và Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin Tài nguyên Môi trường chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 13/01/2015. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T trả vốn và lãi tạm tính đến thời điểm xét xử là 11.502.041.548 đồng, gồm nợ gốc 8.224.689.064 đồng, nợ lãi 3.277.352.484 đồng và yêu cầu Công ty T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau thời điểm xét xử đến khi thanh toán hết nợ gốc theo Hợp đồng Tín dụng đã ký.

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp tài sản và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

[3] Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa xét xử lần 2 hôm nay, Công ty T là bị đơn, ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là nguyên đơn hay nhằm bảo vệ quyền lợi của bị đơn và người liên quan trong vụ án này hoặc có yêu cầu gì nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là các đương sự đã từ bỏ quyền và nghĩa

vụ của đương sự được quy định tại khoản 5, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp cùng các Biên bản làm việc giữa Ngân hàng và Công ty T vào các ngày 26/8/2016; 06/12/2016; 06/3/2017; Biên bản kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đối với Công ty T ngày 22/11/2016; Thông báo của Ngân hàng đến Công ty T về trả nợ tín dụng đầu tư của Nhà nước ngày 19/5/2017 và ý kiến của Công ty T tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2017 là thống nhất theo ý kiến của Ngân hàng về khoản nợ gốc, nợ lãi đã thu và dư nợ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty T trả nợ gốc, lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 06/2009/HĐTCTS-NHPT, ngày 29/7/2009; Phục lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2013/PLHĐTCTS-NHPT.ĐT.AG, ngày 15/10/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2014/HĐTCTS-NHPT, ngày 26/12/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 02/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT, ngày 26/12/2014 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 30/12/2014 và Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin Tài nguyên Môi trường chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 13/01/2015 tuân thủ đúng quy định về thế chấp tài sản, nên cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án. Xét thấy, quá trình giải quyết nguyên đơn có yêu cầu áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với Công ty T và được Tòa án nhân dân thành phố L Quyết định tại Quyết định Áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 09/11/2017; Quyết định Áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời (Bổ sung) số: 17/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 14/11/2017 và Quyết định Áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời (Bổ sung) số: 19/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 30/11/2017. Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp quy định tại khoản 11, Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

Hủy bỏ Quyết định Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 15/2017/QĐ-BPBĐ, ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngân hàng P do Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang đại diện được nhận lại tiền đã nộp Biện pháp bảo đảm 55.214.098 đồng (và lãi nếu có) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh An Giang theo Quyết định Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 15/2017/QĐ-BPBĐ, ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L và văn bản số: 0058/BIDV.AG-GDDN, ngày 07/11/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh An Giang.

Về chi phí tố tụng thẩm định giá nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Công ty T phải chịu 119.502.042 đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng P do Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang đại diện được nhận lại 114.643.794 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017792, ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng P do Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang đại diện nhận 11.502.041.548 đồng (Mười một tỷ, năm trăm lẽ hai triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 06/2009/HĐTCTS-NHPT, ngày 29/7/2009; Phục lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2013/PLHĐTCTS-NHPT.ĐT-AG, ngày 15/10/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2014/HĐTCTS-NHPT, ngày 26/12/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 02/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT, ngày 26/12/2014 được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 30/12/2014 và Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin Tài nguyên Môi trường chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 13/01/2015 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định Áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 09/11/2017; Quyết định Áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm

thời (Bổ sung) số: 17/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 14/11/2017 và Quyết định Áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời (Bổ sung) số: 19/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 30/11/2017 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

4. Hủy bỏ Quyết định Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 15/2017/QĐ-BPBĐ, ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngân hàng P do Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang đại diện được nhận lại tiền đã nộp Biện pháp bảo đảm 55.214.098 đồng (và lãi nếu có) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh An Giang theo Quyết định Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 15/2017/QĐ-BPBĐ, ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L và văn bản số: 0058/BIDV.AG-GDDN, ngày 07/11/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh An Giang.

5. Về án phí: Công ty T phải chịu 119.502.042 đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng P do Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang đại diện được nhận lại 114.643.794 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017792, ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. L.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Ñiều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Ñiều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP;

Nguyễn Thị Hoa